TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LẠNG SƠN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 25-9-2019
V/v: Ly hôn và tranh chấp tài sản chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Xuân Sơn

Các Thẩm phán:

1. Ông Cao Đức Chiến

2. Ông Phạm Văn Tuệ

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên toà: Bà Mông Thị Mai Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2019/HNGĐ - PT ngày 05 tháng 8 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp tài sản chung khi ly hôn" .

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 12/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 04/2019/QĐ-PT ngày 26 tháng 8 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lô Thị Kim L, sinh năm 1991. Nơi đăng ký HKTT: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*:

1. Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: Khu A, thị trấn L, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Người đại diện theo ủy quyền: Bà Triệu Thị Hồng H1– Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

2. Ông Lô Văn N, sinh năm 1964. Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

3. Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1957. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

4. Anh Bồ Văn T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

5. Anh Dương Văn H3, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Anh Mã Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: Xóm L, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

- *Người kháng cáo*: Anh Nguyễn Văn H là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, ý kiến trình bày của các đương sự và Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chị Lô Thị Kim L kết hôn với anh Nguyễn Văn H vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, đến tháng 10-2018 anh H do ghen tuông, nghi ngờ chị ngoại tình nên đã đánh đập chị và đuổi chị đi. Từ đó vợ chồng sống ly thân đến nay không còn quan tâm đến nhau. Chị Lô Thị Kim L xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Anh chị chưa có con chung.

Về tài sản chung: Có 02 thửa đất tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, gồm: Thửa đất số 292 tờ bản đồ số 43, diện tích 159,5m² mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm; Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 43, diện tích 118m² mục đích sử dụng đất ở tại nông thôn. Hai thửa đất trên đều đã được cấp GCN QSD đất mang tên Nguyễn Văn H, Lô Thị Kim L. Trên 02 thửa đất này có 01 ngôi nhà 2 tầng rộng khoảng 220m², do hai vợ chồng xây dựng vào cuối năm 2017, trị giá xây khoảng 700.000.000đ. Khi ly hôn, chị Lô Thị Kim L để anh Nguyễn Văn H quản lý, sở hữu, sử dụng nhà đất này và yêu cầu anh Nguyễn Văn H trả ½ giá trị nhà và đất bằng tiền cho chị. Ngoài ra vợ chồng chị còn có 03 thửa đất ruộng có nguồn gốc là của gia đình chồng cho và 02 chiếc xe máy (01 xe DREAM và 01 xe WAVE ANPHA), nhưng nay chị không yêu cầu chia mà để lại cho anh Nguyễn Văn H. Anh chị không có tài sản chung nào khác.

Về nợ chung: Nợ ông Lô Văn N (bố đẻ chị) số tiền 100.000.000đ, mục đích anh Nguyễn Văn H vay về làm ăn, hiện chưa trả, yêu cầu anh Nguyễn Văn H phải tự có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên cho ông Nguyện. Còn khoản nợ của anh Bồ Văn T 20.000.000đ tiền sơn nhà và nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số

tiền 50.000.000đ, đây là các khoản nợ chung nên chị đồng ý chia đôi mỗi người trả một nửa.

Đối với một số khoản nợ mà anh Nguyễn Văn H nêu như: nợ anh Dương Văn H3 (là anh rể anh H) số tiền 200.000.000đ, anh Nguyễn Văn H tự đứng ra vay làm gì chị không biết, chị không được sử dụng. Nợ ông Nguyễn Văn Đ (là bố đẻ anh H) số tiền 300.000.000đ từ việc khai thác 03 ha rừng cây bạch đàn, nợ 44.000.000đ tiền bán Trâu và 18.000.000đ tiền mua Dê như anh H và ông Đkhai là không đúng. Khi xây nhà gia đình chồng không cho vay tiền mà chỉ hỗ trợ khoảng 100.000.000đ do anh H nhận, ngoài ra ông Nguyễn Văn Đ và anh Nguyễn Văn H là bố con cùng hành nghề buôn bán Trâu, hai bố con vẫn thường trao đổi mua bán với nhau nhiều lần nay vợ chồng chị ly hôn lại cho rằng đó là tiền nợ chung để yêu cầu chị cùng trả chị không đồng ý. Còn đối với số tiền 30.000.000đ nợ anh Mã Văn T tiền công xây nhà, chị không đồng ý trả vì chị được biết anh Nguyễn Văn H và anh Mã Văn T đã đo đạc và thanh toán xong toàn bộ tiền xây dựng.

Anh Nguyễn Văn H thừa nhận mối quan hệ vợ chồng với chị L. Sau khi kết hôn, thời gian đầu sống hạnh phúc, hòa thuận, đến khoảng cuối năm 2018 anh phát hiện chị L nhắn tin qua lại tình cảm với người đàn ông khác, anh có hỏi nhưng chị Lô Thị Kim L không trả lời được nên anh đã gọi ông Lô Văn N là bố đẻ chị Lô Thị Kim L đến đón về. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Lô Thị Kim L xin ly hôn anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh chị chưa có con chung.

- Về tài sản chung: quá trình chung sống, vợ chồng anh có mua được 02 thửa đất và xây được 01 căn nhà tại Thôn L, xã T, huyện H đúng như chị Lô Thị Kim L đã khai, khi ly hôn anh đồng ý chia đôi giá trị hai thửa đất. Còn căn nhà là của bố mẹ và của anh hỗ trợ tiền xây, một phần là từ tiền chung của hai vợ chồng nên anh không đồng ý chia. Đối với 03 thửa đất ruộng và 02 chiếc xe máy, chị Lô Thị Kim L không yêu cầu chia, anh cũng đồng ý.

- Về nợ chung gồm: Đối với khản nợ của anh Bồ Văn T là 20.000.000đ tiền sơn nhà và nợ Ngân hàng chính sách xã hội Việt nam - Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 50.000.000đ tiền gốc hiện chưa trả, nay anh đồng ý với ý kiến chị Lô Thị Kim L đã trình bày là mỗi người trả một nửa hai số nợ trên. Ngoài ra vợ chồng anh còn nợ của ông Nguyễn Văn Đ (là bố đẻ anh H) số tiền hơn 300.000.000đ từ tiền bán đổi cây Bạch Đàn, tiền bán Trâu để xây nhà và nợ tiền mua Dê; nợ anh Dương Văn H3 200.000.000đ để xây nhà; nợ anh Mã Văn T hơn 30.000.000đ tiền công xây nhà chưa trả. Nay anh yêu cầu chị Lô Thị Kim L cùng anh có trách nhiệm trả các khoản nợ này. Đối với khoản nợ của ông Lô Văn N (bố đẻ chị Liên) số tiền 100.000.000đ chị Liên khai là không đúng, anh không biết có số nợ trên nên anh không đồng ý trả.

Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 12/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thị Kim L, cho chị Lô Thị Kim L được ly hôn với anh Nguyễn Văn H (Giấy chứng nhận kết hôn số 33, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân xã K, huyện H, tỉnh Lạng Sơn, đăng ký ngày 23/11/2009).

2. Về con chung: Chưa có.

3. Về tài sản chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền sở hữu, sử dụng các tài sản gồm:

- Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 43, diện tích 118m² tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ013757 ngày 14/3/2017 mang tên anh Nguyễn Văn H, chị Lô Thị Kim L. Thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Đông Bắc giáp đất nhà ông Địch Văn V;

Phía Tây Nam giáp đường dân sinh;

Phía Đông Nam giáp đường liên thôn;

Phía Tây Bắc giáp thửa đất 292 của anh chị L, H.

- Thửa đất số 292, tờ bản đồ số 43, diện tích 159,5m² tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ013759 cấp ngày 14/3/2017 mang tên anh Nguyễn Văn H, chị Lô Thị Kim L. Thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Đông Bắc giáp đất hộ ông Địch Văn V;

Phía Tây Nam giáp đường dân sinh;

Phía Đông Nam giáp thửa đất 290 của gia đình anh chị L, H;

Phía Tây Bắc giáp ruộng nhà ông Nguyễn Văn Đ.

(có trích lục bản đồ địa chính kèm theo).

- 01 ngôi nhà 2 tầng nằm trên một phần của thửa đất số 290 và một phần của thửa đất số 292 đều thuộc tờ bản đồ số 43 tại thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ công trình, vật kiến trúc trên đất như: bán mái lợp tôn trước nhà, nhà bếp, sân lát gạch bổ đỏ sau nhà.

Tổng giá trị tài sản nhà, đất, công trình, vật kiến trúc trên đất anh Nguyễn Văn H được nhận là 811.293.944đ (tám trăm mười một triệu hai trăn chín mươi ba ngàn chín trăm bốn bốn đồng).

Anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm thanh toán cho chị Lô Thị Kim L số tiền 405.646.972đ (bốn trăm linh năm triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm bẩy mươi hai đồng) là ½ giá trị tài sản chung chị Lô Thị Kim L được nhận.

4. Về nợ chung:

Công nhận sự thỏa thuận giữa chị Lô Thị Kim L anh Nguyễn Văn H về trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H và trách nhiệm trả nợ cho anh Bồ Văn T. Cụ thể: Chị Lô Thị Kim L anh Nguyễn Văn H mỗi người có

trách nhiệm trả cho Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện H số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng) nợ gốc và 137.500đ (một trăm ba mươi bảy ngàn đồng) tiền lãi (lãi tạm tính đến ngày 30/4/2019) và tiếp tục phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký tương ứng với số tiền phải thanh toán; trả cho anh Bồ Văn T số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Buộc chị Lô Thị Kim L anh Nguyễn Văn H mỗi người có trách nhiệm trả cho anh Mã Văn T số tiền 15.370.000đ (mười lăm triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng).

Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Lô Thị Kim L về trách nhiệm trả nợ cho ông Lô Văn N; không chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Văn H về trách nhiệm trả nợ cho ông Nguyễn Văn Đ và anh Dương Văn H3 vì không có căn cứ.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tiến hành tố tụng và án phí**,** quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, anh Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị cấp phúc thẩm chia nhà và đất cho nguyên đơn chị Lô Thị Kim L sở hữu, sử dụng và trả cho anh 1/2 số tiền của giá trị ngôi nhà và đất vì anh Hưng thấy rằng giá trị phần tài sản phải trả cho chị Lô Thị Kim L quá lớn, anh không có khả năng trả cho chị Liên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn H giữ nguyên nội dung kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án

Nguyên đơn chị Lô Thị Kim L giữ nguyên yêu cầu khi ly hôn, chị để anh Nguyễn Văn H quản lý, sở hữu, sử dụng nhà, đất và yêu cầu anh Nguyễn Văn H trả 1/2 giá trị nhà và đất bằng tiền cho chị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Văn H làm trong hạn luật định là hợp lệ. Xét yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, thấy rằng hiện tại anh Nguyễn Văn H đang có nhu cầu về nhà ở và vẫn đang sinh sống trong ngôi nhà chung của vợ chồng, đồng thời đang quản lý các công trình, cây trồng trên hai thửa đất; trong khi chị Lô Thị Kim L đã về sinh sống với bố mẹ đẻ và không có nhu cầu về nhà ở cũng như các tài sản khác trên đất; tại phiên tòa phúc thẩm

anh Nguyễn Văn H cũng không đưa ra được căn cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo; xét thấy bản án sơ thẩm đã xem xét đến các điều kiện liên quan và quyết định là phù hợp, đúng pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ; căn cứ vào lời khai của các đương sự tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Nguyễn Văn H xác nhận rằng tình cảm vợ chồng không còn, nhưng do vấn đề về tài sản chung của vợ chồng nên tại cấp sơ thẩm anh không đồng ý ly hôn và đưa ra một số tiền nợ chung của vợ chồng nhưng anh không có căn cứ để chứng minh nên án sơ thẩm đã không chấp nhận yêu cầu của anh và đã xử cho chị Lô Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H được ly hôn, đồng thời không chấp nhận các khoản tiền nợ chung của vợ chồng như anh Nguyễn Văn H đưa ra. Xét, Bản án sơ thẩm đã nhận định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đồng thời các ý kiến khai nại vợ chồng còn nợ tiền của những người khác như anh Nguyễn Văn H đưa ra là không có căn cứ chấp nhận nên án sơ thẩm đã xử cho anh chị được ly hôn và không chấp nhận các khoản vợ chồng nợ tiền của những người khác là phù hợp, đúng qui định của pháp luật. Sau xét xử sơ thẩm anh Nguyễn Văn H, chị Lô Thị Kim L và những người liên quan khác đều không có kháng cáo; Viện kiểm sát nhân dân không có kháng nghị nên quyết định về phần này của Bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật và không thuộc phạm vi xem xét, giải quyết của cấp phúc thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, những người liên quan khác trong vụ án vắng mặt không có lý do và họ cũng không có kháng cáo, cả hai bên đương sự cùng nhất trí sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến quyền lợi và nghĩa vụ của họ nên đề nghị tòa tiến hành xét xử, kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đề nghị Hội đồng tiến hành xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo qui định.

[3] Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn H kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm chia nhà và đất cùng tài sản trên đất cho nguyên đơn chị Lô Thị Kim L sở hữu, sử dụng và trả cho anh 1/2 số tiền của giá trị ngôi nhà, đất và tài sản trên đất vì anh cho rằng theo quyết định của Bản án sơ thẩm thì giá trị phần tài sản anh phải trả cho chị Lô Thị Kim L quá lớn, anh không có khả năng; với yêu cầu của anh Nguyễn Văn H như vậy, xét thấy:

[4] Tại Tòa án cấp sơ thẩm, anh Nguyễn Văn H thừa nhận sau khi kết hôn tài sản chung vợ chồng gồm: 02 thửa đất và 01 ngôi nhà tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Tại phiên tòa phúc thẩm cả hai anh chị đều xác định ngoài tài sản đã khai tại cấp sơ thẩm thì vợ chồng còn được gia đình anh cho 03 thửa ruộng và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng; ngoài ra vợ chồng còn nhận khoán với Lâm trường 0,7 ha đất rừng sản xuất và đã trồng toàn bộ cây lấy gỗ nguyên liệu sắp cho thu hoạch; nhưng chị Lô Thị Kim L không yêu cầu được chia số ruộng và 0,7 ha cây gỗ nguyên liệu mà chỉ yêu cầu được

chia bằng tiền 1/2 giá trị của 02 thửa đất và ngôi nhà cùng toàn bộ các tài sản trên hai thửa đất với lý do hiện chị đã về sinh sống, lao động cùng bố mẹ đẻ nên không có nhu cầu về chỗ ở và đất sản xuất, trong khi anh Nguyễn Văn H vẫn đang có nhu cầu về nhà ở, đất sản xuất nên chị để anh Nguyễn Văn H quản lý, sở hữu, sử dụng nhà, đất và toàn bộ các công trình kiến trúc, tài sản trên đất. Xét thấy ý kiến của chị Lô Thị Kim L đưa ra mặc dù rất có lợi cho anh Nguyễn Văn H, nhưng đó là sự tự nguyện định đoạt của chị Lô Thị Kim L, sự tự nguyện đó là phù hợp, không trái đạo đức xã hội nên cấp sơ thẩm đã chấp nhận theo ý kiến của chị Lô Thị Kim L là phù hợp, đúng pháp luật.

[5] Xét yêu cầu của bị đơn anh Nguyễn Văn H không đồng ý nhận tài sản nếu giá trị trênh lệch tài sản phải trả cho nguyên đơn quá cao thấy rằng:

[6] Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 27/3/2019, đã xác định: Thửa đất số 292 tờ bản đồ số 43, có diện tích 159,5m², GCNQSD đất số CĐ 013759 cấp ngày 14/3/2017. Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 43, có diện tích 118m², GCNQSD đất số CĐ013757 cấp ngày 14/3/2017; đều mang tên anh Nguyễn Văn H và chị Lô Thị Liên. Giá trị 02 thửa đất là 12.981.500đ.

[7] Trên hai thửa đất nêu trên, ngoài một vài cây tự nhiên không có giá trị thì còn có 01 ngôi nhà hai tầng và các công trình trên đất gồm bán mái lợp tôn trước nhà, 01 nhà bếp, 01 sân lát gạch bổ đỏ sau nhà, do chị Lô Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H xây dựng vào năm 2017, có trị giá là 798.312.444đ (bảy trăm chín mươi tám triệu, chín trăm bốn mươi ngàn đồng).

[8] Xét thấy, kết cấu của ngôi nhà anh chị xây theo lối kiến trúc khác biệt nên việc phân chia theo hiện vật sẽ rất khó thực hiện, không đảm bảo thuận tiện cho việc sử dụng, sinh hoạt của anh chị sau khi ly hôn, đồng thời làm mất thẩm mỹ và giá trị căn nhà, mặt khác hiện bị đơn anh Nguyễn Văn H vẫn có nhu cầu về chỗ ở và sử dụng đất để duy trì phát triển các tài sản khác trên đất nên Bản án sơ thẩm quyết định giao cho anh Nguyễn Văn H được quyền quản lý, sở hữu, sử dụng toàn bộ đất, nhà và các công trình tài sản trên đất. Anh Nguyễn Văn H có trách nhiệm trả cho chị Lô Thị Kim L 1/2 giá trị tài sản chung tương ứng với số tiền là 405.646.972đ (bốn trăm linh năm triệu sáu trăm bốn mươi chín ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng) là hợp lý.

[9] Từ những phân tích trên, thấy rằng quyết định của bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật vì vậy cần xử không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của anh Nguyễn Văn H, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm như ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[9] Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H kháng cáo bản án sơ thẩm nhưng không được chấp nhận, do đó anh Nguyễn Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm về án phí ly hôn sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

Áp dụng Điều 39 của Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 1,2,3 Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Văn H. Giữ nguyên phần quyết định của Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 12/2019/HNGĐ-ST ngày 26 tháng 6 năm 2019 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Lạng Sơn, cụ thể:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lô Thị Kim L và anh Nguyễn Văn H được ly hôn.

2. Về tài sản chung: Xử giao cho anh Nguyễn Văn H được sở hữu, quản lý sử dụng toàn bộ tài sản, công trình vật kiến trúc trên đất gồm:

2.1. Thửa đất số 290, tờ bản đồ số 43, diện tích 118m² tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ013757 ngày 14/3/2017 mang tên anh Nguyễn Văn H, chị Lô Thị Kim L; thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Đông Bắc giáp đất nhà ông Địch Văn V;

Phía Tây Nam giáp đường dân sinh;

Phía Đông Nam giáp đường liên thôn;

Phía Tây Bắc giáp thửa đất 292 của anh chị Liên, Hưng.

2.2. Thửa đất số 292, tờ bản đồ số 43, diện tích 159,5m² tại Thôn L, xã T, huyện H, tỉnh Lạng Sơn. Đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CĐ013759 cấp ngày 14/3/2017 mang tên anh Nguyễn Văn H, chị Lô Thị Kim L; thửa đất có tứ cận tiếp giáp như sau:

Phía Đông Bắc giáp đất hộ ông Địch Văn V;

Phía Tây Nam giáp đường dân sinh;

Phía Đông Nam giáp thửa đất 290 của gia đình anh chị Liên, Hưng;

Phía Tây Bắc giáp ruộng nhà ông Nguyễn Văn Đức.

(có trích lục bản đồ địa chính kèm theo).

2.3. 01 ngôi nhà 2 tầng nằm trên một phần của thửa đất số 290 và một phần của thửa đất số 292 đều thuộc tờ bản đồ số 43 tại thôn T, xã K, huyện H, tỉnh Lạng Sơn và toàn bộ tài sản, công trình vật kiến trúc trên đất.

2.4. Tổng giá trị tài sản, nhà, đất, công trình, vật kiến trúc trên đất anh Nguyễn Văn H được sở hữu, quản lý, sử dụng là 811.293.944đ (tám trăm mười một triệu hai trăn chín mươi ba ngàn chín trăm bốn bốn đồng).

2.5. Anh Nguyễn Văn H phải thanh toán cho chị Lô Thị Kim L số tiền 405.646.972đ (bốn trăm linh năm triệu sáu trăm bốn mươi sáu ngàn chín trăm bảy mươi hai đồng) là 1/2 giá trị tài sản chung.

Khi bản án có hiệu lực pháp luật và chị Lô Thị Kim L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn H chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu lãi xuất đối với số tiền chậm trả, lãi xuất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định của Điều 357 và 468 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn H phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Hưng đã nộp đủ số tiền 300.000đ theo Biên lai thu tiền số: AA/2016/0000008 ngày 26/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Lạng Sơn.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 25/9/2019).

Nơi nhận:
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TAND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- Các đương sự;
- HCTP, KTNV&THA;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Xuân Sơn